

GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA VIỆT - ANH DƯỚI GÓC NHÌN NHÂN HỌC GIAO TIẾP

Vietnamese - English intercultural communication in light of ethnography in communication

Châu Thị Hoàng Hoa¹

Tóm tắt

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, hiện nay có rất nhiều nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ, mối quan hệ giữa chúng và vai trò của văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ. Bài viết giới thiệu khía cạnh của liên văn hóa trong giao tiếp tiếng Việt và tiếng Anh. Một số nội dung sơ lược về nhân học giao tiếp và các khái niệm liên quan như cấu trúc hội thoại, hàm ý hội thoại, phép lịch sự... trong sử dụng ngôn ngữ liên văn hóa được bàn bạc, phân tích dưới ánh sáng của nhân học giao tiếp. Từ việc hiểu biết về văn hóa ảnh hưởng đến giao tiếp bằng ngôn ngữ, tác giả bàn luận thêm những vấn đề cần lưu ý trong giảng dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ ở Việt Nam.

Từ khóa: Văn hóa, ngôn ngữ, giao tiếp liên văn hóa, nhân học giao tiếp.

Abstract

Culture, language and their relationship, specifically the role of culture in language teaching have attracted researchers in Viet Nam and in the world. This paper is to introduce the intercultural aspect in communication between Vietnamese and English. Some preliminary and other related concepts of ethnography in communication like communicative structure, communicative implication and politeness in using the cultural communication are discussed in the light of ethnography of communication. From the awareness about the affect of culture on communication, this paper focuses more on English teaching as a foreign language in the Vietnamese context.

Keywords: Culture, language, intercultural communication, ethnography of communication.

1. Đặt vấn đề

Việc dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là việc giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp xã hội. Hiện nay, nhiều nghiên cứu tìm phương pháp giảng dạy tiếng Anh hiệu quả nhất đã thực hiện, nhưng đây vẫn còn là vấn đề tranh luận. Việc học tập, thu nhận, thực hành và sử dụng tiếng Anh tại Việt Nam có những đặc điểm riêng so với việc giảng dạy tiếng Anh trên thế giới như yếu tố môi trường ngôn ngữ, tính cổ vũ, chấp nhận của cộng đồng, động lực học tập của người học... Bên cạnh đó, sự khác biệt văn hóa Đông - Tây cũng gây một số khó khăn nhất định cho người học. Trong phạm vi bài viết, tác giả tiếp cận các khái niệm: ngôn ngữ học xã hội, nhân học giao tiếp, mối liên hệ và vai trò của ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Anh và giới thiệu sơ lược yếu tố văn hóa trong giao tiếp như cấu trúc giao tiếp, hàm ý giao tiếp, tính lịch sự, tính gián tiếp trong giao tiếp Việt - Anh, từ đó đưa ra những đề xuất về việc giảng dạy tiếng Anh để người học có thể giao tiếp chính xác, trôi chảy và phù hợp.

2. Nội dung

2.1. Ngôn ngữ xã hội học, nhân học giao tiếp và các yếu tố liên quan

Ngôn ngữ xã hội học nghiên cứu sự khác biệt ngôn ngữ trong giao tiếp ở các bối cảnh xã hội khác nhau. Sự đa dạng về cách hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp xuyên ngôn ngữ, xuyên văn hóa cũng là một phần nghiên cứu của ngành học này. Cụ thể hơn, *nhân học ngôn ngữ (linguistics anthropology)* là một ngành học mới nổi nghiên cứu ngôn ngữ sử dụng trong các bối cảnh xã hội khác nhau. Đối tượng nghiên cứu của nhân học ngôn ngữ là *nhân học giao tiếp (Ethnography of Communication - EOC)*. Với cách nhìn này, EOC được soi rọi với ánh sáng của ngôn ngữ học và nhân học trên cơ sở nhấn mạnh yếu tố giao thoa văn hóa trong giao tiếp giữa các cộng đồng ngôn ngữ (speech community). Hay nói khác hơn EOC là ngôn ngữ học xã hội văn hóa (cultural sociolinguistics) hay cụ thể hơn là ngôn ngữ xã hội liên văn hóa (intercultural sociolinguistics).

Các nhà nghiên cứu định nghĩa về nhân học ngôn ngữ khác nhau, nên khó có một định nghĩa

¹ Thạc sĩ, Phòng Hợp tác Quốc tế và Xúc tiến dự án, Trường Đại học Trà Vinh

chuẩn xác nhất. Khái niệm nhân học giao tiếp được Hymes (1962) sử dụng để chỉ bản chất và chức năng của hành vi giao tiếp trong bối cảnh văn hóa. Vài nhà nghiên cứu khác cho rằng EOC nghiên cứu hành vi giao tiếp trong mối quan hệ với các biến thể văn hóa xã hội gắn liền với sự tương tác liên nhân. Theo Trần và Nguyễn (2004), nếu EOC được định nghĩa như trên thì đối tượng nghiên cứu của EOC bao quát và rộng hơn đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. Trong phạm vi bài viết, tác giả không bàn thêm về định nghĩa EOC, mối quan hệ giữa ngôn ngữ học xã hội và EOC mà chấp nhận đề xuất của Trần và Nguyễn (2004:52); “EOC nghiên cứu cách thức con người ở một cộng đồng nhất định giao tiếp với cộng đồng khác và mối quan hệ xã hội giữa cộng đồng và ngôn ngữ họ sử dụng”.

Trước khi đề cập đến sự khác biệt trong giao tiếp Anh – Việt dưới góc độ EOC, vài phác thảo sơ lược về phân loại và tính chất của cấu trúc hội thoại cần được bàn bạc. Xét về mặt tính chất, hội thoại được xem xét trên các bình diện: tính trang trọng (formality or informality), ngôn cảnh (context - tied), và văn hóa (culture - bound). Trên thực tế, tất cả cộng đồng trên thế giới đều có nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ khác nhau. Điều này được hiểu rằng mỗi nền văn hóa có nguyên tắc ngôn ngữ hay khuôn mẫu diễn ngôn riêng. Ví dụ như khi nghe điện thoại, người nói tiếng Anh có xu hướng nói trước, trong khi đó người Nhật đợi người gọi nói trước. Trong giao tiếp Đông – Tây, người phương Đông coi trọng tính gián tiếp (indirectiveness) trong lời nói, đôi khi còn đánh đồng tính gián tiếp với phép lịch sự (politeness), trong khi đó người Âu, Mỹ đề cao tính trực tiếp (directness) trong hội thoại.

Theo Hudson (1980), hội thoại gồm các loại hội thoại sau: mở - đóng (entries and exits), lượt lời (turn - taking), chủ đề (topic), bách khoa (encyclopedic). Tất cả các cấu trúc trên đều có mối liên hệ với ngữ cảnh ngôn ngữ (linguistic context) và ngữ cảnh ngoài ngôn ngữ (extra - linguistic context). Cấu trúc lượt lời (turn structure) thu hút nhiều nghiên cứu trong giao tiếp liên văn hóa. Về mặt nguyên tắc, trong cùng một hội thoại, một lúc chỉ một người nói. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu về nhân học giao tiếp thì điều này không phải

luôn luôn đúng. Ở một số nhóm người Mỹ da đen, việc nhiều người nói một lúc là điều bình thường và chấp nhận được. Thật vậy, việc nhượng lời (turn - yielding) phụ thuộc vào đặc điểm của từng nền văn hóa. Các nền văn hóa có khoảng cách quyền lực cao (high power distance), người có vị trí cao có xu hướng chiếm lời (turn domination); người có vị trí thấp hơn hay thiếu tự tin và thường nhượng lời cho người có vị trí cao hơn. Hoặc, khoảng dừng (pause) hay khoảng lặng (silence) giữa các cặp thoại trong giao tiếp dài hay ngắn cũng khác nhau giữa các cộng đồng.

2.2. EOC trong giao tiếp tiếng Anh và tiếng Việt

Dưới ánh sáng của EOC, có sự khác biệt về văn hóa trong giao tiếp của cộng đồng nói tiếng Anh bản ngữ và cộng đồng nói tiếng Việt như là tiếng mẹ đẻ. Trong phần so sánh này, tiếng Việt dùng để chỉ tiếng Việt ở cộng đồng người Việt ở Việt Nam; tiếng Anh được chỉ tiếng được dùng bởi cộng đồng nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ. Sự khác biệt về văn hóa trong hai ngôn ngữ được bàn đến là: cấu trúc hội thoại (structure of communication), khoảng dừng (pause) và im lặng (silence); cách hiểu về gián tiếp (indirectness) và lịch sự (politeness) trong giao tiếp.

2.2.1. Cấu trúc hội thoại

Một đoạn hội thoại thông thường gồm ba phần: mở, thân và kết. Tuy nhiên, cũng có đoạn hội thoại gồm hai phần: mở và kết. Cấu trúc mở - kết thường được dùng cho mục đích xã giao (interpersonal function), thân mật để chào nhau. Người Việt truyền nhau câu nói “tiếng chào cao hơn mâm cỗ” nhưng chào như thế nào cho hợp với cách của người Việt có thể gây bối rối, đôi khi giữa chính người Việt với nhau. Người nói tiếng Anh chào nhau bằng “Hi”, “Hello”, “Good morning”... Lời chào trong tiếng Việt còn thể hiện thứ bậc. Ở đây, chỉ xét trong mối quan hệ cùng thứ bậc giữa bạn bè, đồng nghiệp. Người Việt có những câu chào bằng những câu hỏi, thậm chí có thể là câu hỏi thông tin (Wh - questions) khiến người nghe khó trả lời. Khi đồng nghiệp, hàng xóm gặp nhau có thể chào nhau “Đi đâu đó?”, “Làm gì vậy?”, “Hôm nay không đi làm sao?”, “Cơm nước gì chưa?”. Đáp lời chào như thế này không cần cung cấp thông tin chuẩn xác và chi tiết. Câu trả lời với thông tin đại khái như “Đi

xóm”, “Làm công chuyện”... cùng với nhãn giao là đủ để kết thoại. Giao thoa văn hóa trong tiếp xúc ngôn ngữ của bộ phận người Việt biết tiếng Anh là không tránh khỏi. Lời chào dạng câu hỏi có xu hướng riêng tư nên ít được dùng dần. Tuy nhiên, việc thay thế bằng cặp thoại “Chào – Xin chào”, “Xin chào - Chào” vẫn còn lạ tai. Cho nên, chào nhau trong tiếng Việt đa dạng, đặc biệt, có thể gây bối rối cho người ít am hiểu yếu tố văn hóa.

Nhượng lời (turn – giving) hay lấy lời (turn – taking) cũng khác biệt trong các nền văn hóa. Như trên đã giới thiệu, chiếm lời (turn - domination) bị ảnh hưởng bởi yếu tố văn hóa xét trên bình diện (dimension) khoảng cách quyền lực (power distance) (Hofstede, 1997). Mặc dù chưa có số liệu chính thức được công bố về chỉ số quyền lực (PDI - Power Distance Index) của người Việt. Tuy nhiên, chắc chắn có sự khác biệt về PDI giữa các nền văn hóa, điều đó thể hiện ở cách sử dụng ngôn ngữ. Ở nền văn hóa có PDI cao, người ở vị trí cao có xu hướng nói nhiều, nói dài, và chiếm lời trong giao tiếp. Tuy nhiên, nói nhiều hay nói ít phần cũng là do thói quen cá nhân. Nhưng phải công nhận rằng, trong giao tiếp có khoảng cách quyền lực ở Việt Nam cha mẹ - con cái, thầy – trò, thì cha mẹ, thầy cô có xu hướng chiếm lời nhiều hơn so với con cái và học sinh. Điều này cần phải được xác thực thêm qua các nghiên cứu cụ thể để có kết quả so sánh khách quan.

Cặp thoại (adjacency pair) có ý nghĩa hay không phụ thuộc vào yếu tố văn hóa. Một cặp thoại có thể có ý nghĩa trong nền văn hóa này nhưng vô nghĩa trong nền văn hóa khác. Ví dụ như cặp thoại giữa một khách hàng người Mỹ với anh bồi bàn người Việt sau đây:

Anh bồi bàn: What else would you like to have for a drink?/ Bà dùng chi ạ?

Khách hàng: *I am OK. Thank you./ Tôi ổn. Cảm ơn.*

“What else would you like to have for a drink?” và “I am fine, thank you.” là một cặp thoại tương thích trong tiếng Anh nhưng nếu không tính đến yếu tố văn hóa thì cặp thoại này có vẻ không tương thích trong tiếng Việt. Để đáp lời một lời mời hay lời đề nghị, người Việt có xu hướng trả lời chấp

nhận hay từ chối dù trực tiếp hay gián tiếp; và nếu từ chối thì nêu rõ lý do. Trong phần đáp thoại trên anh bồi bàn khó đoán được “I am OK” là lời từ chối hay chấp nhận.

Tình huống giao tiếp sau đây cũng có thể bị cho là không thành công. Nếu thiếu am hiểu về văn hóa Việt thì việc hiểu lời đáp của cô gái người Việt với anh chàng người Mỹ trở nên khó khăn.

Chàng trai: Would you like to go out for a BBQ next Sunday?/ Chủ nhật này, chúng ta đi BBQ nhé?

Cô gái: Next Sunday? It is my father’s death anniversary./ Chủ nhật này? Ngày Giỗ cha em đó.

Trong đoạn hội thoại này, chàng trai người Mỹ có thể đoán được đây là lời từ chối qua ngôn ngữ phi ngôn từ, nhưng bằng ngôn ngữ ngôn từ, anh ta cảm thấy lời giải thích không rõ ràng vì anh ấy khó mà biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của “ngày Giỗ” trong truyền thống văn hoá người Việt từ góc nhìn của người Mỹ.

2.2.2. Im lặng

Khoảng lặng trong giao tiếp là điều không thể tránh khỏi. Hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa của im lặng ở các nền văn hóa khác nhau đôi khi phức tạp hơn hiểu lời nói. Im lặng có giá trị rất lớn trong giao tiếp bằng tiếng Việt. Trong khi các nước phương Tây thường đấu tranh cho quyền tự do phát ngôn (freedom of speech), người Việt muốn người khác tôn trọng quyền im lặng (freedom of silence). Im lặng có thể mang ý nghĩa khác nhau đối với mỗi người, bài viết này chỉ đề cập đến giá trị của im lặng trong cộng đồng. Trong cả hai nền văn hóa, im lặng đúng lúc là cần thiết. “Silence is gold” hay “Im lặng là vàng” có giá trị ở nhiều nền văn hóa khác nhau. Người Việt không dùng ở chỗ ngợi ca im lặng mà còn thấy tác hại của lời nói (speech). Điều này thể hiện ở các thành ngữ “Con ếch chết vì lỗ miệng” hay “Há miệng mắc quai”.

Im lặng có giá trị liên văn hóa, nhưng im lặng được hiểu như thế nào trong nền văn hóa Đông – Tây. Trong vài văn cảnh, im lặng có nghĩa là thiếu lịch sự trong tiếng Anh nhưng vẫn chấp nhận trong tiếng Việt. Khi thấy trong văn phòng còn nhiều việc phải làm, nhân viên hỏi sếp mình có

cần ở lại làm thêm hay không. Ngay cả khi sắp mình im lặng, anh nhân viên đó cũng phải ở lại làm thêm. Rõ ràng lời đề nghị của anh ta đáng được tán dương. Tình huống tương tự khó chấp nhận nếu xảy ra ở nền văn hóa nói tiếng Anh. Trong trường hợp này, sếp phải bày tỏ sự trân trọng, ghi nhận đối với lòng nhiệt thành của nhân viên mình. Điều này không có nghĩa là người Việt Nam kém lịch sự hơn nhưng sự im lặng này chấp nhận được. Đôi khi, im lặng là tích cực đối với người Việt. Một cô gái được khen là xinh đẹp sẽ cảm thấy bối rối và im lặng. Chính sự cái thẹn thùng, lặng lẽ là cái duyên của người con gái. Sự im lặng để giấu đi cái tôi, niềm tự hào cá nhân hay là duyên ngầm trong giao tiếp của người Việt.

Tóm lại, để thành công trong giao tiếp, bên cạnh năng lực ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ xã hội – hay hiểu biết về văn hóa là rất cần thiết. Bài viết này không bao quát tất cả các khía cạnh khác biệt trong giao tiếp Việt - Anh mà chỉ nêu ra vài ví dụ so sánh xét trên bình diện ngôn ngữ xã hội: cấu trúc giao tiếp và chức năng giao tiếp dưới tác động của văn hóa. Phần kế tiếp sẽ trình bày sự đa dạng trong cách đánh giá tính trực tiếp và tính gián tiếp, phép lịch sự và tính gián tiếp.

2.2.3. *Trực tiếp và gián tiếp*

Như trên đã nói, bàn về văn hóa không chỉ dành riêng cho cá nhân tiêu biểu nào, mà bàn về xu hướng tập quán chung của cộng đồng. Ngoài ra, trong bài viết, chúng tôi không hướng đến mục đích so sánh người nói tiếng Anh với người Việt mà chỉ so sánh cách hiểu, chuẩn mực của phép lịch sự và tính gián tiếp trong hai ngôn ngữ, ảnh hưởng của nó như thế nào trong giao tiếp liên văn hóa.

Ở cấp độ diễn ngôn, ta nhận thấy rằng cách diễn đạt ý tưởng của người Việt rất phong phú. Trong khi đó, người Anh có xu hướng đi thẳng vào chủ đề muốn nói. Lời nói vòng vo, gián tiếp trong tiếng Việt có thể bị cho là thiếu logic, kém hiệu quả, không cô đọng. Sự khác biệt này cũng thể hiện rõ trong cách viết của sinh viên Việt Nam ở Úc qua phần nghiên cứu của Phan (2011), sẽ được đề cập lại và phân tích ở phần sau. Có thể xem xét vài thí dụ về cách tỏ tình bằng ngôn ngữ trong thơ ca tiếng Việt. Lời của một bài hát tiếng Anh “I love you, OK?” có thể được yêu thích ở Việt Nam, nhưng

cách tỏ tình này có thể bị thất bại vì cách nói trực tiếp của chàng trai có thể làm cô gái Việt cảm thấy e dè. Ngược lại, cách tỏ tình trong thơ ca tiếng Việt đôi khi cần trình độ văn hóa cao sâu để hiểu.

“Bây giờ Mận mới hỏi Đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?”

Đây là lời của chàng trai úm lời yêu cùng cô gái. Một cô gái thông tiếng Việt nhưng không thạo văn hóa sẽ không hiểu được lời tỏ tình vì không hiểu ẩn ý sau cách xưng hô *Mận*, *Đào*, hay cách gọi *Vườn hồng* của chàng trai. Chính yếu tố “gián tiếp” trong lời nói của người Việt gây khó hiểu cho người đến từ nền văn hóa khác.

Hoặc trong câu ca:

“Thò tay ra ngắt cọng ngò

Thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ”

Lời ca ngọt ngào này khiến cô thôn nữ xao xuyến mà không có bất cứ sự hiểu lầm nào. Tuy nhiên, nếu không am hiểu văn hóa, người tiếp nhận thông tin sẽ nhận thấy cách nói ví von, bóng bẩy, gián tiếp này thiếu logic, không liền mạch, dài dòng, tối nghĩa, mục đích phát ngôn không rõ ràng. Ý của câu ca là lời tỏ tình với cô gái, chàng ta đã thương cô nàng đến “đứt ruột” chứ không phải là bài ca cần lao của anh nông dân cắt cỏ, hái rau (ngò). Nếu vậy, mục đích phát ngôn cũng khác. Chàng trai này không có ý khoe là hái được mớ ngò mà mượn lời đệm để tỏ tình cho bớt ngượng.

Đối với những người lớn lên từ nền văn hóa Việt, giao tiếp không gặp vấn đề do cùng chia sẻ cách thực hành văn hóa và mạch tư duy trong sử dụng ngôn ngữ. Tuy nhiên, đôi khi vẫn có hiểu nhầm do cách diễn đạt, cách hiểu văn hóa và ngôn ngữ ít nhiều mang dấu ấn cá nhân.

2.2.4. *Lịch sự và gián tiếp*

Thái độ đối với “gián tiếp” khác nhau trong các ngôn ngữ, điều đó thể hiện rõ trong cách nói của cộng đồng. Gián tiếp trong giao thoại chỉ khoảng cách ý nghĩa thực của lời nói và ý ẩn của người nói. Như các cộng đồng của nền văn hóa tập thể (collectivism) khác, cộng đồng nói tiếng Việt coi trọng thể diện (face), giữ thể diện (saving face) nên tính gián tiếp trong giao tiếp rất quan trọng. Từ chối, phê bình, phản đối trực tiếp có thể cản

trở giao tiếp, đặc biệt là khi nói chuyện với người có tuổi hoặc vị trí cao hơn. Trực tiếp có thể bị cho là thô tục, khiếm nhã, bất kính, thậm chí sỉ nhục; còn gián tiếp là kín đáo, nhẹ nhàng, duyên dáng, khiêm cung, cẩn trọng. Ngược lại, khi giao tiếp trong tiếng Anh, trực tiếp có ý nghĩa tích cực như đơn giản, thành thật, rõ ràng, dễ hiểu; còn gián tiếp là dấu hiệu của thiếu tự tin, thiếu kiên quyết hay không quyết đoán. Cho nên, việc giao tiếp liên văn hóa trong sử dụng tiếng Anh hay tiếng Việt, tùy hoàn cảnh và mối quan hệ, người nói nên tìm mức độ trực tiếp hay gián tiếp nhất định để có được sự thích hợp, hài hòa, tránh trở thành người giao tiếp thông thạo nhưng vụng về (fluent blunt).

Trong giao tiếp xuyên ngôn ngữ, để có mức độ gián tiếp thích hợp khó, nhưng đạt mức độ lịch sự hài hòa còn khó hơn. Phần tiếp sau đây không bàn cộng đồng nào lịch sự hơn mà bàn tính lịch sự thể hiện trong mỗi ngôn ngữ như thế nào. Dưới góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội, tiếng Anh được coi là ngôn ngữ của phép lịch sự. Có rất nhiều cụm từ thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp bằng tiếng Anh như “please”, “thank you”, “could you...?”, “would you mind...?”. Bên cạnh đó, tần suất các cấu trúc sử dụng cách nói rào đón (hedge) xuất hiện nhiều hơn trong tiếng Anh như: “maybe”, “could”, “would”, “should”, “possible”,... Thí dụ, một chuyên viên tư vấn khách hàng sẽ căn dặn khách hàng: “*Could you possibly consider handing in your documents before Friday?*” thay cho cách nói thẳng thắn hơn: “You have to hand in your documents before Friday.”

Có lẽ do chưa quen diễn đạt phép lịch sự bằng ngôn ngữ nên người Việt có xu hướng biểu hiện sự nhẹ nhàng, lịch thiệp, gần gũi của mình qua các hành vi phi ngôn ngữ ở dạng ngoại ngôn (extralanguage) như cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nụ cười, tư thế,... hay cận ngôn (paralanguage) như tốc độ nói, khoảng lặng, nhượng lời, cao độ, trường độ,... Yếu tố khoảng lặng (silence) và điểm dừng (pause) sẽ được bàn trong phần kế tiếp. Muốn giao tiếp lịch sự, trước hết phải giao tiếp thích hợp từ cách nhượng lời, mở lời, chuyển thoại, dùng từ, đặt câu, chủ đề được đề cập có nhạy cảm, tổn thương người khác. Người được cho là giao tiếp lịch sự

trong tiếng Việt phải nhượng lời người có tuổi hơn, khoảng dừng giữa các lời thoại khi giao tiếp với người lớn tuổi phải dài hơn trong giao tiếp với bạn bè trang lứa. Trong khi đó, những yếu tố trên không phải là chuẩn mực giao tiếp lịch sự quan trọng trong tiếng Anh.

Làm thế nào để trở nên lịch sự đã khó, lịch sự ở mức độ phù hợp, không quá mức để trở thành khách sáo hay lỗ bịch còn khó hơn. Một lời nói có thể là lịch sự tích cực (positive politeness) ở ngữ cảnh này nhưng lại là lịch sự tiêu cực (negative politeness) ở ngữ cảnh khác. Trong giao tiếp tiếng Việt, lối nói lịch sự của người có vị trí quyền lực cao (lãnh đạo, thầy cô, cha mẹ) với người có vị trí quyền lực thấp (nhân viên, học trò, con cái) trong văn cảnh không trang trọng đôi khi bị cho là lịch sự tiêu cực. Một bà mẹ Việt hiếm khi căn dặn con gái mình “Con có thể vui lòng lau nhà trước khi đi chơi không?”. Cách nói như thế chỉ xuất hiện trong văn dịch từ tiếng nước ngoài khi chưa cân nhắc yếu tố văn hóa. Sử dụng nhiều cấu trúc lịch sự bị cho là dài dòng, sáo rỗng, khách sáo, xa cách thậm chí là buồn cười, lỗ bịch. Hiểu đúng về phép lịch sự và lịch sự đúng mực đòi hỏi sự hiểu biết và thâm nhập văn hóa nhất định. Có như thế năng lực ngôn ngữ mới trở thành năng lực giao tiếp. Hay nói một cách khác, biết ngôn ngữ mà không am tường về văn hóa thì giao tiếp khó thành công.

3. Thảo luận và kết luận

EOC trong giao tiếp liên văn hóa cho ta thấy học và hiểu văn hóa nước ngoài trong việc học ngoại ngữ rất quan trọng. Xuất phát từ những khác biệt được trình bày bên trên, việc dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ cần chú trọng các điểm sau đây:

Một là, chú trọng đến yếu tố văn hóa trong việc dạy ngoại ngữ. Đây không phải là đề xuất mới mà đã được các nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu đề xuất từ lâu. Bàn đến yếu tố văn hóa, có hai câu hỏi đặt ra: Dạy văn hóa gì? Dạy như thế nào? Đây là hai câu hỏi lớn cần phải được đánh giá và trả lời bằng nghiên cứu cụ thể. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề xuất (1) dạy văn hóa bản địa và văn hóa nước ngoài; (2) dạy yếu tố liên quan đến văn hóa cả trong lớp học và ngoài lớp học.

Hiện nay, xu hướng sử dụng các giáo trình dạy tiếng Anh do nước ngoài biên soạn rất phổ biến. Điều này rất tốt để giáo viên dạy chủ điểm văn hóa trong quá trình dạy ngôn ngữ. Các chủ điểm văn hóa như những bài đọc, nghe về đất nước, con người, lịch sử, tín ngưỡng, đi lại, mua sắm... được sử dụng như là nội dung giảng dạy ngoại ngữ. Văn hóa được truyền tải đến người học qua ngôn ngữ. Ngoài ra, văn phong (style), bố cục của các bài viết (discourse organization) được trình bày theo lối tư duy của ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai (L2) nên người học nhận thức văn hóa một cách vô thức qua học ngoại ngữ. Tuy nhiên, đối với đối tượng là thanh thiếu niên, việc sử dụng các tài liệu giảng dạy biên soạn ở nước ngoài nên được cân nhắc, bởi các em chưa hình thành cái tôi văn hóa mẹ đẻ hoàn chỉnh, chưa nhận thức cái khác biệt để đánh giá và thực hành hợp lý. Cho nên, khi sử dụng sách nước ngoài biên soạn để giảng dạy tiếng Anh cho đối tượng này cần so sánh các chủ điểm văn hóa được đề cập với văn hóa mẹ đẻ. Ví dụ, khi dạy cách chào hỏi ở các nền văn hóa khác nhau, giáo viên nên hướng dẫn cho học sinh cách chào nhau như thế nào của người Việt, đặc biệt là cách chào theo thứ bậc khác nhau, bởi đây vừa là phần mở rộng ngữ liệu có liên quan đến bài giảng vừa là cách lưu giữ trao truyền văn hóa.

Bên cạnh việc dạy văn hóa qua các bài học kỹ năng, giáo viên có thể dạy văn hóa như là một bài học riêng - dạy văn hóa bằng ngoại ngữ. Ví dụ như giáo viên cần bổ sung các chủ điểm văn hóa L2 theo từng thời điểm trong năm như Giáng sinh, Ngày của Cha, Ngày của Mẹ, Ngày của Thầy cô, Ngày Độc lập, Ngày Cá tháng Tư,... trong văn hóa L2 qua các hoạt động trong lớp học tương ứng. Ngoài ra, có nhiều hoạt động đặc biệt để dạy văn hóa được đề cập trong nghiên cứu của Phan và Nguyễn (2008) như Trình bày văn hóa (Culture capsules), Thành ngữ (Proverbs), Nghe và hành động (Audio – motor Units)...

Hai là, quan tâm đến yếu tố phi ngôn ngữ trong giao tiếp liên văn hóa. Dạy văn hóa trong ngôn ngữ không chỉ dừng lại dạy lời nói hợp văn hóa hay giới thiệu văn hóa mà cần phải chú trọng đến các yếu tố phi ngôn ngữ trong giao tiếp và thực hành văn hóa. Mehrabian và Wiener (1966) phát hiện

93% ý nghĩa xã hội được gắn kết với giao tiếp phi ngôn từ. Giao tiếp phi ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là khi giao tiếp bằng ngôn ngữ của người học còn hạn chế. Ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ kèm theo lời nói rất quan trọng. Giáo viên phải chú ý các yếu tố này khi dạy ngoại ngữ. Giao tiếp không thành công do thiếu đồng bộ giữa ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có thể xuất hiện trong mọi tình huống. Ví dụ, trẻ con mới học Anh văn vỡ lòng thích tập nói tiếng Anh với người nước ngoài một cách rất tự nhiên mà ít cân nhắc đến mục đích giao tiếp và có xu hướng thực hành những gì đã học. Trong những lần giao tiếp đầu tiên, các em có thể sử dụng ngữ điệu hay cử chỉ kèm theo chưa thật sự thích hợp. Rất nhiều điều liên quan đến văn hóa cần phải định hướng, giảng dạy, tổ chức học tập, thực hành một cách trực tiếp hay gián tiếp. Trong đó, chính cách cư xử, sử dụng ngôn ngữ của giáo viên cũng là tấm gương, điển hình văn hóa L2 mà học sinh có thể tham khảo.

Ba là, giáo viên cần chú ý đến tập quán văn hóa của học sinh và có ứng xử phù hợp với đối tượng của mình. Việc dạy tiếng Anh lấy người học làm trung tâm luôn tôn trọng khả năng hoạt động tích cực của học sinh. Trong các lớp theo kiểu phương pháp này, thời lượng nói của giáo viên (Teacher Talking Time - TTT) luôn được kiểm soát ở mức độ ngắn gọn nhất. Tuy nhiên, giáo viên đôi khi thiếu kiểm soát TTT do ảnh hưởng tiềm thức cố hữu là người thầy thì phải dạy, mà dạy thì phải giảng, và giảng thì phải nói nhiều. Việc chiếm lời của giáo viên với học sinh trong lớp học kỹ năng ngoại ngữ là điều cần tránh. Ngoài ra, giáo viên nên có chiến lược thích hợp để cả lớp cùng tham gia hoạt động lớp bằng cách chú ý học sinh kém, thiếu tự tin. Điều này xuất phát từ yếu tố văn hóa, người nói kém thường thiếu tự tin, có xu hướng nhượng lời cho người nói tốt. Có trường hợp, học sinh thiếu tự tin giao tiếp trở nên im lặng. Sự im lặng của học sinh có thể gây bối rối cho một số giáo viên nước ngoài, nhưng đây là một phần của thói quen cần được thông cảm, thấu hiểu và động viên.

Để xây dựng lòng tự tin trong giao tiếp, giáo viên cần nhạy cảm và linh hoạt. Sự nhạy cảm rất cần thiết trong việc đánh giá năng lực, mức độ tự tin, hứng thú của học sinh để phát hiện, khơi gợi

khả năng, thiên hướng của người học. Nhờ vào các cách phát vấn khác nhau, phù hợp với năng lực, tâm lý của học sinh, giáo viên có thể giúp các học sinh thiếu tự tin tham gia học tập tốt. Ví dụ như, giáo viên nên bắt đầu hỏi học sinh yếu những câu hỏi ít yêu cầu năng lực ngôn ngữ, dần dần sẽ hỏi những câu khó hơn để học sinh đi từng bước từ xây dựng lòng tự tin đến sẵn sàng nhận thách thức và tự thách thức bản thân. Sự đa dạng về kiểu sắp xếp hoạt động trong lớp (work arrangement) là công cụ hữu hiệu để giáo viên giúp học sinh ở mọi cấp độ tham gia bài tích cực hơn. Học sinh yếu cảm thấy dễ chịu hơn khi được làm việc với bạn theo cặp và nhóm (pair, group work) hơn là nói trước lớp hay nói với giáo viên. Khi nắm bắt được tâm lý thiếu tự tin, hay im lặng, nhường lượt cho người giỏi hơn của học sinh, giáo viên nên có biện pháp thích hợp để giúp học sinh bằng sự cảm thông và nghệ thuật giảng dạy của mình.

Bốn là, giáo viên nên chú trọng sự khác biệt cấu trúc tư duy trong giao tiếp liên văn hóa. Văn hóa mẹ đẻ ảnh hưởng rất lớn đến rèn kỹ năng giao tiếp trong L2, đặc biệt là rèn kỹ năng viết. Có rất nhiều nghiên cứu chứng minh sự khác biệt về văn hóa gây một số khó khăn nhất định trong việc dạy môn Viết tiếng Anh cho học sinh Việt Nam. Tác giả tâm đắc phát hiện trong nghiên cứu của Phan (2011), học sinh Việt Nam gặp các vấn đề mang dấu ấn văn hóa và ngôn ngữ mẹ đẻ như khó đảm bảo tính mạch lạc (coherence), bố cục trình bày (organization of discourse) và phong cách diễn đạt (style) khi sử dụng L2. Khi viết, người viết phải viết những điều liên quan đến chủ đề có chủ đích cụ thể; nhưng trong tiếng Việt người đọc chấp nhận thậm chí mong đợi điều bất ngờ, mới mẻ, có thể ít liên quan đến nội dung chính. Đôi khi, cách trình bày ý tưởng trong tiếng Việt có thể bị cho vòng vo trước khi đi vào nội dung chính. Những sự khác biệt này làm giảm đi tính mạch lạc khi viết tiếng Anh. Kế đến, bố cục trình bày ý tưởng trong tiếng Anh rõ ràng, có định hướng người đọc như có mở đầu, kết thúc, chuyển tiếp kết nối, giới thiệu trình tự. Cách sắp xếp câu chủ đề, ý chính, ý ủng hộ trong tiếng Việt khác với cấu trúc trong tiếng Anh; trong tiếng Anh người viết có xu hướng trình bày nội dung quan trọng trước, còn trong tiếng Việt phải qua nhiều dẫn dắt mới

đến nội dung chính. Bên cạnh đó, cách định hướng người đọc theo dàn ý, trật tự làm cho người Việt học viết tiếng Anh thấy gò bó, thiếu sáng tạo. Cuối cùng, phong cách diễn đạt của mỗi ngôn ngữ khác nhau. Do ảnh hưởng nhiều cách nói gián tiếp, tránh đụng chạm, nói chung chung, hay dùng từ tượng trưng, hoa mỹ trong tiếng Việt, văn phong người Việt khi viết tiếng Anh thường khó đọc, khó hiểu, thậm chí mơ hồ.

Nhận biết được sự khác biệt có thể gây khó khăn cho học sinh Việt Nam trong viết tiếng Anh, giáo viên cần thận trọng đối với việc hình thành thói quen rèn luyện viết theo cấu trúc L2 và sử dụng ngôn ngữ L2 để tư duy. Điều này rất quan trọng nhưng khó rèn luyện đặc biệt ở học viên lớn tuổi do họ đã có nếp nghĩ và quen với cách viết trong tiếng mẹ đẻ. Có thể, học sinh thấy việc sắp xếp ý theo tiếng Anh là gò bó, đơn điệu; hoặc không quen với cách viết này nên viết bằng tiếng Việt trước, rồi dịch sang tiếng Anh sau. Ngoài việc dạy cách viết theo tiêu chuẩn L2, giáo viên cần có thông tin định hướng khác biệt văn hóa để người học hiểu và chấp nhận sự khác biệt để luyện tập cách viết mới theo tiêu chuẩn của L2. Để khuyến khích học sinh luyện cách viết mới của nền văn hóa mới, giáo viên cần hiểu học sinh của mình trên nền tảng văn hóa, cách tư duy, năng lực ngôn ngữ của văn hóa mẹ đẻ... để điều chỉnh, động viên, định hướng thích hợp và tránh áp đặt vì xét ở khía cạnh văn hóa chỉ có sự khác nhau, không có sự hơn thua và viết là một quá trình sáng tác mang tính sáng tạo và tính chủ quan cao.

Bài viết này điểm sơ về ảnh hưởng của văn hóa trong giao tiếp ngôn ngữ và một số bàn luận trong việc dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ. Cách tiếp cận văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa trong giao tiếp Việt - Anh xuất phát từ góc nhìn nhân học giao tiếp. Cho nên, tác giả không tham vọng mang lại cách nhìn toàn diện về mối quan hệ văn hóa – ngôn ngữ trong giao tiếp Việt - Anh mà chỉ góp phần khẳng định văn hóa là cái gốc, là tiếp cận cơ bản để giải quyết vấn đề liên quan đến các khía cạnh của nó như ngôn ngữ, sự khác biệt trong hành vi ngôn ngữ, phi ngôn ngữ,... Việc cân nhắc yếu tố văn hóa trong giảng dạy ngôn ngữ để có cách giảng dạy phù hợp, hiệu quả là điều cần thiết.

Tài liệu tham khảo

- Hofstede, G. 1997. *Cultures and Organizations Software of the mind*. McGraw-Hill Companies. Inc.
- Hudson. R. A. 1980. *Sociolinguistics*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Hymes, D. H. 1962. “The ethnography of speaking”. Trong Gladwin, Thomas; Sturtevant, William C. *Anthropology and Human Behavior*. Washington, D.C.: Anthropology Society of Washington.
- Hymes, D. H. 1964. “Introduction: Toward Ethnographies of Communication”. Trong J. J. Gumpertz and D. Hymes, *The Ethnography of Communication*, *The American Anthropologist* 66 Part 2 (1964): 1-29.
- Mehrabian, A. và Wiener, M. 1966. “Non Immediacy between Communication and Object of Communication in a Verbal Message”, *Journal of Consulting Psychology* 30 (1966) 225.
- Phan, Le Ha. 2011. *Negotiations, and Conflicts: Writing Academic English Across Cultures*. Emerald Group Publishing Limited. Số 22, 23-40.
- Phan, Văn Hòa và Nguyễn, Thị Thu Trang. 2008. “Dạy văn hóa và dạy học ngoại ngữ: một quá trình thống nhất”. *Tạp chí khoa học và công nghệ*. Đại học Đà Nẵng – Số 6 (29).2008.
- Trần, Văn Phước và Nguyễn, Thanh Bình. 2004. *A Course in Sociolinguistics*. Hue University.
- Tăng, Tấn Lộc: “Lời tỏ tình” trong ca dao. Xem 15.01.2015 <<http://maxreading.com/sach-hay/kho-tang-luc-bat-dan-gian/loi-to-tinh-trong-ca-dao-38351.html>>.
- Trần, Kathy. *Tương tư trong ca dao*. Xem 14.01.2015 <http://motgoctroi.com/StVChuong/Tuongtu_tCDao.htm>